TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/11/2019
V/v : *"Ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh;
2. Ông Đào Xuân Tìm.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10/9/2019 về việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXX-ST ngày 09/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1970. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quê quán, nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Đồng Văn D, sinh năm 1970. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Đồng Văn D từ năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và đánh cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế 4 năm nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là Đồng Thị L, sinh năm 1994, Đồng Thị S, sinh năm 1997, cả hai đều đã trưởng thành, tự lập và Đồng Văn P, sinh ngày 05/10/2006. Sau ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cháu P và

yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu P 2 triệu đồng/tháng. Nếu cháu P muốn ở cùng ai thì chị cũng đồng ý. Hiện nay cháu P đang đi học và ở cùng chị từ 4 năm nay. Chị hiện buôn bán tại nhà ở quê mẹ, thu nhập bình quân khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị không vay nợ gì của ai và cũng không cho ai vay nợ gì.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh D trình bầy:

Anh và Chị H kết hôn từ năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và đánh cãi nhau. Nay Chị H có đơn xin ly hôn, thực sự vợ chồng tuổi đã cao, anh không muốn ly hôn nhưng nếu Chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có ba con chung là Đồng Thị L, sinh năm 1994, Đồng Thị S, sinh năm 1997, cả hai đều đã trưởng thành, tự lập và Đồng Văn P, sinh ngày 05/10/2006. Cháu P đã ở cùng Chị H 3 năm nay và hiện vẫn ở cùng Chị H. Sau ly hôn, anh xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu P và yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con 2 triệu đồng/tháng. Hiện nay anh làm nghề tự do, thu nhập bình quân khoảng 6-7triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Chị H vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh D; chị xác định vợ chồng có ba con chung là Đồng Thị L, sinh năm 1994, Đồng Thị S, sinh năm 1997, cả hai đều đã trưởng thành, tự lập và Đồng Văn P, sinh ngày 05/10/2006. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh D vắng mặt và không có ý kiến gì. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho Chị H được ly hôn anh D.

- Về con chung: Giao cháu Đồng Văn P, sinh ngày 05/10/2006 cho Chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị H về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì. Sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thị H và anh Đồng Văn D kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường sảy ra xung đột, bất hòa. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Nay Chị H xin được ly hôn anh D, Quá trình giải quyết vụ án, anh D đều xác định vợ chồng bất hòa, sống không hạnh phúc, anh nhất trí ly hôn Chị H, do đó áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho Chị H được ly hôn anh D là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng Chị H và anh D có ba con chung là Đồng Thị L, sinh năm 1994, Đồng Thị S, sinh năm 1997, cả hai đều đã trưởng thành, tự lập và Đồng Văn P, sinh ngày 05/10/2006. Chị H và anh D đều xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu P, cháu P ở cùng Chị H nhiều năm nay và có lời khai xin được ở cùng Chị H. Xét nên giao cháu P cho Chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là bảo đảm được việc chăm sóc và thực hiện đầy đủ được quyền lợi mọi mặt của cháu P, phù hợp với ý nguyện của cháu P là muốn được ở cùng Chị H. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị H về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu P là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Anh D vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì. Sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1/ Về quan hệ vợ chồng:

Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đồng Văn D.

2/ Về con chung: Chị H và anh D có ba con chung là Đồng Thị L, sinh năm 1994, Đồng Thị S, sinh năm 1997, cả hai đều đã trưởng thành, tự lập và Đồng Văn P, sinh ngày 05/10/2006. Giao cháu Đồng Văn P cho Chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2019. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị H về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu P .

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh D vắng mặt tại phiên tòa. Sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

4/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2017/0004079, ngày 10/9/2019.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Chị H, vắng mặt anh D. Báo cho Chị H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh D, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Tân, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung